## **Phân tích bài Chinh phụ ngâm - Mẫu 5**

Trong văn học trung đại, để lên án sự suy tàn của xã hội phong kiến cũng như ngợi ca những khát khao niềm hạnh phúc của con người, nhiều thi nhân đã gửi gắm tâm sự, nỗi bất bình của mình vào các bài thơ, khúc ngâm. Thời Đường ở Trung Quốc, Vương Xương Linh oán ghét cuộc chiến tranh phi nghĩa, mà viết Khuê oán. Thời Lê ở nước ta, Đặng Trần Côn cảm thông thâm thúy trước số phận những người dân phụ nữ có chồng đi lính mà làm ra tuyệt tác Chinh phụ ngâm. Đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ thuộc tác phẩm trên đã chạm đến trái tim người đọc khi tái hiện hoàn cảnh cô độc, nỗi nhớ thương da diết của người phụ nữ ước mơ niềm hạnh phúc đoàn tụ.

Chinh phụ ngâm ra đời vào tầm khoảng thế kỷ XVIII, đầu đời Lê Hiển Tông, trào lưu khởi nghĩa nông dân diễn ra liên miên, triều đình điều binh lính đi dẹp loạn. Từ đấy nhiều gia đình chịu cảnh chia lìa, kẻ ở người đi, không hẹn ngày tái ngộ. Số phận và thảm kịch của những con người nhỏ bé trong cái xã hội phong kiến đang đứng bên bờ vực thẳm ấy đã lay động trái tim của Đặng Trần Côn.

Trong khúc ngâm viết bằng chữ Hán của ông có 476 câu thơ, tuân theo thể trường đoản cú. Khi Đoàn Thị Điểm dịch sang chữ Nôm đã chuyển tác phẩm về thể thơ song thất lục bát, dùng âm điệu réo rắt, thiết tha của thể thơ dân tộc bản địa góp phần thể hiện tình cảnh và tâm trạng của người phụ nữ có chồng đi lính. Sở dĩ Hồng Hà nữ sĩ trung thành với chủ với nguyên tác và có nhiều sáng tạo trong quá trình dịch bởi dịch giả đã ở cùng một hoàn cảnh với nhân vật trữ tình: sau lúc cưới không lâu, chồng bà là Nguyễn Kiều phải đi sứ Trung Quốc, chính vì thế, bà thấu hiểu cảnh sống cô đơn, tẻ nhạt với những buồn lo, nhung nhớ của người chinh phụ.

Đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ viết về tình cảnh và tâm trạng người chinh phụ phải sống cô đơn, buồn khổ trong thời gian dài người chống đi đánh trận, không có tin tức, không rõ ngày quay trở về.

Tình cảnh lẻ loi, nỗi cô đơn bủa vây của người chinh phụ, nỗi thương nhớ người chồng phương xa, sự khao khát niềm hạnh phúc lứa đôi… là những ý chính khi phân tích Chinh phụ ngâm.

Sau thời điểm tiễn chồng ra trận, người chinh phụ bơ vơ chốn khuê phòng vắng lặng, lạnh lẽo, nỗi khổ tâm của nàng được bộc lộ qua hành động và ngoại cảnh:

“Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước,  
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.  
Ngoài rèm thước chẳng mách tin,  
Trong rèm dường đã có đèn biết chăng?”

Người chinh phụ rải bước trong hiên vắng, vừa đi vừa thầm đếm bước tiến mình, như đếm từng ngày chồng đi. Những bước tiến lặng lẽ của nàng nặng trĩu u sầu, đong đầy thương nhớ, như bước tiến người cung nữ trong Cung oán ngâm của Nguyễn Gia Thiều: “Ngán trăm chiều bước lại ngẩn ngơ”.

Trong những buổi đi dạo của nàng không còn vẻ ung dung, an nhàn mà thay vào đó là sự việc ngán ngẩm, buồn chán – tâm trạng khác hẳn với Thúy Kiều khi bước đi tìm người yêu: “Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình”. Nàng Kiều đi tìm tình quân trong thú vui sướng, niềm hạnh phúc ngập tràn, còn người chinh phụ vừa đi vừa gặm nhấm nỗi cô đơn, lo lắng cho việc an nguy của người thân chốn biên ải xa xôi.

Nàng hết dạo hiên, lại ngồi buồn, cuốn rèm, buông rèm. Những hành động vô nghĩa ấy được lặp đi tái diễn trong vô thức, nàng chẳng còn bận tâm mình đang làm gì bởi tâm trí nàng giờ dồn hết vào người chồng đang tòng quân. Thẩm mỹ và làm đẹp sử dụng từ ngữ “vắng”, “thưa” vẽ ra không gian trống trải, thưa thớt tình thương yêu, càng tô đậm sự lẻ loi, buồn bã, bồn chồn của nhân vật trữ tình.

Người chinh phụ không chỉ buồn nhớ, lo lắng cho chồng mà còn trông ngóng tin chàng. Nàng đợi tin lành của chim thước sẽ xoa dịu nỗi không an tâm, nhưng chim thước không tới. Nàng lại trở bóng đèn, hỏi đèn mà hỏi lòng. Phân tích Chinh phụ ngâm sẽ thấy nàng nhận ra rằng càng hi vọng, mòn mỏi trông chờ thì sẽ càng hụt hẫng, tuyệt vọng.

Khát khao sum vầy đoàn tụ, khát khao hơi ấm gia đình của nàng càng khiến nàng đau đớn, thất vọng. Vướng mắc tu từ và điệp từ “rèm” tái diễn ba càng đẩy nàng vào bế tắc, cái bế tắc của xã hội phong kiến suy tàn, của triều đình loạn lạc khiến niềm tin của con người về tình yêu, niềm hạnh phúc không còn giá trị. Chao ôi, người chinh phụ mới đáng thương làm thế nào!

Phân tích Chinh phụ ngâm sẽ thấy người chinh phụ hết mong ngày, lại mong đêm, khi bóng tối cô đơn tịch mịch kéo xuống bao trùm lấy nàng, nàng chỉ có thể làm bạn với bóng đèn:

“Trong rèm dường đã có đèn biết chăng?Đèn có biết dường bằng chẳng biết,Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.Rầu rĩ nói chẳng nên lời,Hoa đèn kia với bóng người khá thương.”

Điệp ngữ bắc cầu “đèn biết chăng”, “đèn có biết” khiến nỗi buồn đau, thương nhớ của người chinh phụ thêm da diết, day dứt. Trong tâm trạng đó, nàng đối diện với ngọn đèn dầu, mong muốn được thấu hiểu, được chia sẻ tâm tư…

Khi phân tích Chinh phụ ngâm, ta thấy hình ảnh cây đèn dầu cũng xuất hiện trong những tác phẩm văn học dân gian và văn học trung đại khác. Ca dao có câu “đèn thương nhớ ai/ mà đèn không tắt”, thể hiện nỗi nhớ nhung tha thiết của người con gái với những người mình yêu. Trong Chuyện người con gái Nam Xương, Vũ Nương cũng lấy ngọn đèn dầu để xóa giải nỗi cô đơn khi Trương Sinh đi lính.

Nhưng đến Chinh phụ ngâm, ý nghĩa biểu tượng của ánh đèn dầu không chỉ tạm dừng ở đó. Đặng Trần Côn mượn cây đèn đang tàn mà ẩn dụ sự trôi đi nhanh chóng của thời gian, sự tàn lụi, héo hon của kiếp người. Nhà thơ như đang muốn nói: cuộc đời chỉ là kiếp hoa đèn mong manh dang dở. Chính vì vậy, vật vô tri vô giác là cây đèn cháy đỏ khắc khoải, cháy đến tàn bấc dầu kia không những không thể đồng cảm với nỗi đau buồn, tình cảnh cô đơn, lẻ loi người chinh phụ mà càng khiến nàng vô vọng khôn cùng.

Tâm trạng của nhân vật trữ tình được khắc họa bằng những tính từ chỉ cảm xúc: “bi thiết”, “rầu rĩ”, “thương”. “Bi thiết” được hiểu là sự việc bi thương, thảm thiết. Từ “thiết” theo nghĩa Hán Việt còn tồn tại nghĩa là cắt, mài. Những suy tư muộn phiền của người chinh phụ khao khát được bộc lộ, được thấu hiểu.

Nhưng trong tình cảnh cô độc vắng tẻ của nàng biết lấy ai để trút bầu tâm sự. Nàng chỉ biết dồn nén những cảm xúc ấy, cảm nhận nỗi đau như thể trái tim bị cứa, mài. Qua việc cảm nhận tâm sự của người chinh phụ khi đối diện với ngọn đèn, người đọc trầm trồ ngợi ca tài năng nghệ thuật và thẩm mỹ trong miêu tả tâm trạng của tác giả!

Ngọn đèn tắt, bỏ lại người chinh phụ cô quạnh trong đêm dài tịch mịch u sầu:

“Gà eo óc gáy sương năm trống,Hòe phất phơ rủ bóng bốn bên.”

Một đêm dài năm canh, người chinh phụ vì trông ngóng người chinh phụ, thức trọn năm canh, nghe tiếng gà gáy mà sợ hãi, rầu rĩ. Cái âm thanh “eo óc” ấy thưa thớt, ghê rợn, tang tóc, khó chịu, từng tiếng từng tiếng vang lên rõ mồn một, đối lập với việc tĩnh lặng, trầm lắng trong tâm nàng. Tiếng gà gáy trong đêm gợi ra khoảng trống không gian mênh mông, hiu quạnh, khiến người phụ nữ cô đơn, lẻ loi trở nên nhỏ bé, đáng thương. Thẩm mỹ và làm đẹp lấy động tả tĩnh đẩy tâm trạng người chinh phụ lên một nấc thang mới, khiến nó đau đớn hơn, cô độc hơn, dày vò nàng hơn.

Không chỉ có tiếng gà gáy khiến nàng trằn trọc, bóng “hòe phất phơ” cũng khiến người chinh phụ suy tư, lo nghĩ. Vây quanh người chinh phụ là những bóng vía mập mờ lay động trong đêm, như ẩn như hiện, như có như không. Từ láy gợi hình “phất phơ” càng tăng thêm tính mơ hồ, hư ảo của cảnh vật, của tin tức về người chồng ngoài biên ải, của những buổi đoàn tụ, sum họp gia đình trong mơ ước ấy, nàng càng mong chờ, càng cảm thấy xa xôi.

Phân tích Chinh phụ ngâm, ta thấy hình ảnh cây hòe trong câu thơ trên gợi nhắc về bài thơ Cảnh ngày hè của Nguyễn Trãi: “Hòe lục đùn đùn tán rợp giương”. Cây hòe của Nguyễn Trãi đẹp, căng tràn nhựa sống, gợi nên sự vui tươi của buổi chiều mùa hạ, khác hẳn với vẻ buồn bã, u sầu của cây hòe đặt trong đêm khuya thanh vắng trong khúc ngâm của Đặng Trần Côn. Từ đó ta thấy nghệ thuật và thẩm mỹ dùng từ của tác giả, từ tính từ “phất phơ” đến động từ “rủ”, tất cả mang sắc thái chán chường, ủ rũ.

Trong không gian vắng lặng, thời gian đã đi qua màn đêm, người chinh phụ ôm nỗi nhung nhớ, thấm thía về thảm kịch đời mình:

“Khắc giờ đằng đẵng như niên,Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.”

Vắng chồng, cuộc sống của người chinh phụ thật tẻ nhạt, buồn chán và nặng nề với những thương nhớ đong đầy từng khắc, cô đơn bủa vây từng giờ. Những ngày tháng này, thời gian trôi đi thật chậm chạp, như muốn gặm nhấm chuỗi ngày sầu bi của nàng. Một ngày không còn được đo bằng vài canh, mấy khắc, mà được tính đếm bằng cả năm dài “đằng đẵng”.

Từ láy “đằng đẵng” kéo dãn dài thời gian, kéo dãn dài nỗi buồn và tình cảnh lẻ loi của người phụ nữ có chồng ra trận. Nàng giờ ở vào hoàn cảnh của Kim Trọng khi thương nhớ Thúy Kiều: “Sầu đong càng lắc càng đầy/ Ba thu dọn lại một ngày dài ghê!” Trong những ngày tháng khó khăn này, người chinh phụ ngẫm về cuộc hôn nhân gia đình dang dở, về cuộc đời không được hưởng niềm hạnh phúc trọn vẹn, khiến nàng đã sầu lại càng sầu thêm. Quả đúng là “sầu đong càng lắc càng đầy”, nỗi buồn của người chinh phụ càng triền miên, không có kết quả cuối cùng.

Phân tích Chinh phụ ngâm sẽ thấy tác giả đã so sánh tâm tư của nàng với hình ảnh ước lệ “miền biển xa”, những lo lắng, buồn thương, đau xót của người chinh phụ vượt ra ngoài giới hạn về không gian và thời gian. So sánh với bản chữ hán của Đặng Trần Côn “Sầu tự hải/ Khắc như niên”, ta thấy Đoàn Thị Điểm không chỉ trung thành với chủ với nguyên tác mà còn tồn tại những sáng tạo riêng trong quá trình dịch, giúp người đọc đơn giản và giản dị hiểu, đơn giản và giản dị đồng cảm hơn với nhân vật trữ tình.

Người chinh phụ chán ghét thời gian trôi chậm chạp, cố vùng thoát khỏi chuỗi ngày cô đơn, lẻ loi dai dẳng:

“Hương gượng đốt hồn đà mê mảiGương gượng soi lệ lại châu chan.Sắt cầm gượng gảy ngón đàn,Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng.”

Mong muốn xóa tan ưu phiền, người chinh phụ đốt hương nhưng lại không kìm lấy được lòng mà mê man trong quá khứ. Trong đoạn trích Thề nguyền trong Truyện Kiều của Nguyễn Du, Kim Trọng cũng đốt hương “Đài sen nối sáp, lò đào thêm hương” để mùi hương trầm ấm áp làm chứng cho thời khắc quan trọng – hai người cất hẹn ước trăm năm.

Người chinh phụ cũng bổi hổi nhớ lại lời hẹn thề năm nào. Mùi hương trầm đã vô tình đưa nàng trở về những tháng ngày niềm hạnh phúc trước kia, để tâm hồn nàng lạc đi tìm những kí ức đẹp quá xa vời. Nhưng càng tiếc nuối quá khứ tươi đẹp, nhân vật trữ tình càng thấm thía thảm kịch hiện tại. Nàng trơ trọi, bơ vơ trong sự thật hiển nhiên: những mặn nồng xưa kia không thể lấy lại được.

Có thể thấy, việc đốt hương vốn để tìm lại niềm thanh thản trong tâm hồn lại khiến người phụ nữ bé nhỏ, đáng thương và bơ vơ thêm thống khổ. Người chinh phụ đành tìm cách khác để giải tỏa tâm sự: nàng soi gương. Trong chuỗi ngày đợi chờ người chinh phu, người chinh phụ chẳng buồn đoái hoài đến phấn son hoa lệ: “Vắng chàng điểm phấn trang hồng với ai?”.

Nhưng đêm nay, mong muốn thoát khỏi nỗi cô đơn bủa vây, nàng gượng gạo cầm gương soi. Nàng giật mình xót xa cho dung nhan võ vàng của người phụ nữ trong gương kia. Nàng thương hai con mắt buồn chứa chan u sầu, nàng thương đôi môi chẳng thể nở một nụ cười nhạt, nàng khóc cho tuổi xuân héo tàn, cho dung mạo đang độ tươi thắm bị nỗi đau âm ỉ tàn phá. Nhưng những giọt lệ nào có thể giúp nàng cứu vãn được tình cảnh bi đát này.

Phân tích Chinh phụ ngâm sẽ thấy, khi cảm thấy việc đốt hương hay soi gương không thể giúp quên đi chuyện buồn, người chinh phụ tìm về tiếng đàn. Tác giả sử dụng một loạt hình ảnh ước lệ như “sắt cầm”, “dây uyên”, “phím loan” tượng trưng cho tình yêu đôi lứa, cho vợ chồng hòa hợp. Người chinh phụ lo sợ dây đàn đứt, báo điều chẳng lành về cuộc hôn nhân gia đình hiện nay đang bị chia cắt, về người chồng ngoài chiến trường bặt vô âm tín.

Điệp từ “gượng” cho thấy sự cố gắng nỗ lực gượng gạo, chán nản ở người chinh phụ, nàng vùng vẫy trong nỗi cô đơn nhưng lại bị chính nỗi cô đơn bóp chặt. Những thú vui của tầng lớp quý tộc kia giờ đây lại không thể đem lại cho nàng thú vui. Hơn thế nữa chúng lại như liều thuốc kích thích khối u sầu khổ trong tâm nàng. Nàng chỉ muốn được sum vầy mà thôi, những buổi đoàn tụ trong tưởng tượng của nàng lại quá đỗi xa xỉ trong hoàn cảnh này.

Góp phần truyền tải nội dung và giá trị nhân đạo của Chinh phụ ngâm là tài năng nghệ thuật và thẩm mỹ và sáng tạo tài tình của tác giả và dịch giả. Xuyên thấu mười tám câu thơ trong đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ là các biện pháp nghệ thuật và thẩm mỹ như điệp ngữ, thắc mắc tu từ, ẩn dụ,… và các văn pháp ước lệ tượng trưng, tả cảnh ngụ tình.

Khi phân tích Chinh phụ ngâm cũng như đoạn trích sẽ thấy tác giả có sự chọn lọc tinh tế các từ ngữ gợi hình, gợi cảm để miêu tả rõ ràng và cụ thể và chân thực, cảm động từng cung bậc cảm xúc của nhân vật trữ tình. Thêm vào đó, thể thơ song thất lục bát với âm điệu réo rắt, thiết tha, giàu tính nhạc cũng góp phần quan trọng thể hiện nội tâm người chinh phụ. Sát gần đó, Đoàn Thị Điểm rất trung thành với chủ với nguyên tắc khi dịch nên nhiều ý thơ giàu cảm xúc được truyền tải đến người đọc một cách trọn vẹn.

Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ trích Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn đã để lại trong tâm người đọc nhiều dư âm thâm thúy về nỗi buồn đau, thương nhớ da diết, tình cảnh cô độc, lẻ loi của người phụ nữ có chồng đi lính. Thông qua đó, người đọc hiểu những tâm tư tình cảm và suy nghĩ của tác giả về con người, xã hội đương thời. Ông lên án cơ chế phong kiến mục nát với những trận đấu tranh phi nghĩa kéo dãn dài và ngợi ca tình yêu cao đẹp, khát khao yêu thương đôi lứa.